

Số: 245/KH-THGL

Gia Lộc, ngày 20 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3348/QĐ-UBND, ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 -2026;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025 - 2026,

Trường Tiểu học Gia Lương xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

I. I. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1 Thời cơ

Xã Gia Lộc được thành lập từ ngày mùng 1 tháng 7 năm 2025 trên cơ sở sáp nhập các xã Gia Tiến, Gia Phúc, Thị Trấn Gia Lộc và 1 phần diện tích dân số của xã Yết Kiêu, xã Lê Lợi cũ. Có thể nói xã Gia Lộc là một xã có tiềm lực về quy mô dân số và diện tích. Những năm gần đây có tốc độ phát triển kinh tế, xã hội khá mạnh, 100% số xã cấu thành đã đạt chuẩn nông thôn mới, đã và đang được đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng. Nhiều công ty, doanh nghiệp đang xây dựng, đầu tư, phát triển, thu hút lượng người của các xã vào làm công nhân khá đông. Trình độ dân trí đang dần được nâng cao.

Địa bàn trường đóng là một địa phương thuần nông, chủ yếu người dân sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi; một bộ phận thanh và trung niên đi làm công nhân các công ty. Nên trong những năm gần đây, đời sống kinh tế của người dân cũng cải thiện hơn.

Đảng ủy, chính quyền, các đoàn thể địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục, Ban đại diện Cha mẹ học sinh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trên mọi hoạt động của nhà trường, phối kết hợp trong việc giáo dục học sinh; động viên thầy trò kịp thời trong mọi hoạt động; hỗ trợ thầy trò nhà trường nhiều mặt: tinh thần, vật chất để tu sửa cơ sở vật chất nhà trường; trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào tháng 12 năm 2020.

Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các đồ dùng công nghệ số... Trình độ công nghệ của một số phụ huynh học sinh có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...thuận lợi phối hợp các lực lượng cũng như triển khai học các môn liên quan đến công nghệ.

1.2 Thách thức

Trên địa bàn trường Tiểu học Gia Lương, nhiều phụ huynh học sinh là công nhân, đi làm ăn xa ở nước ngoài và làm tăng ca ở công ty trong nước không có thời gian chăm sóc giúp đỡ các con nhất là HS lớp 1&2.

Nhiều gia đình ở địa bàn, việc dạy và rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ cho con em còn rất hạn chế, bố mẹ đi làm công ty để con cái cho ông bà chăm sóc nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Vì ở vùng nông thôn nên học sinh ít có điều kiện tiếp xúc với ngoại ngữ, Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài và các hoạt động nghệ thuật. Địa phương có rất ít địa điểm để học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và trải nghiệm.

2. Đặc điểm của nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1 Cơ cấu tổ chức:

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo Điều lệ trường tiểu học. Bao gồm: 1 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng, 3 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác; có chi bộ Đảng gồm 23 đảng viên, chi đoàn thanh niên với 6 đoàn viên và Liên đội TNTPHCM.

2.1 Đặc điểm học sinh

Trường có 457 học sinh chia thành 15 lớp.

Tỷ lệ HS/ lớp: 30,5 HS/lớp.

Cụ thể

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS nữ	Số HS nam	HSKT	Bố(m ẹ) mất sức LĐ	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	HS lưu ban
1	3	95	44	51	0	1		1	02
2	3	86	41	45	1	1		1	
3	3	92	39	53	0	1	1	4	
4	3	86	49	37	0	2			
5	3	98	43	55	2			3	
Cộng	15	457	214	243	3	5	1	9	2

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 27.

Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,46

Cụ thể:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	SL	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ đào tạo			VC	ĐV
			Nam	Nữ	≤ 30	31- 40	41- 50	> 50	CĐ	ĐH	Sau ĐH		
Cán bộ quản lý		2	1	1			1	1		2	0	2	2
1.	Hiệu trưởng	1		1			0	1		2	0	1	1
2.	Phó hiệu trưởng	1	1	0		0	1	0		0	0	1	1
Giáo viên		22	2	20	1	10	2	9		22	0	22	18
1.	GV dạy môn cơ bản	17	2	15		6	2	9		17	0	17	16
2.	GV dạy môn chuyên	5	0	5	1	4				5	0	5	2
2.1	Ngoại ngữ	2	0	2	1	1	0			2	0	2	
2.2	Tin học và Công nghệ	1	0	1	0	1	0			1	0	1	
2.3	Giáo dục thể chất	0	0	0	0	0	0			0	0	0	
2.4	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1	0	1	0	1	0			1	0	1	1
2.5	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	0	1	0	1	0			1	0	1	1
	Nhân viên	3	0	3		2	1			3	0	3	3
1.	Thư viện, thiết bị	1	0	1		1				1	0	1	1
2.	Văn thư - Kế toán	1	0	1			1			1	0	1	1
3.	Thủ quỹ - Y tế	1	0	1		1				1	0	1	1
	Tổng	27	3	24	1	12	4	10		27	0	27	23

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã hoàn thành chương trình BDTX chương trình GDPT 2018; được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chương trình, sách giáo khoa đảm bảo để tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp và triển khai dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh.

Năm học 2025-2026, đối chiếu với Thông tư 16/2017 ngày 12/7/2017 HD danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở GDPT công lập nhà trường đủ GV về số lượng song chưa thật đảm bảo về cơ cấu.

2.3 Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Hạng mục công trình	Thực trạng			
	Đơn vị tính	SL	DT (m ²)	Ghi chú
1. Khối phòng hành chính quản trị	phòng			
Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	20	
Phòng phó HT	phòng	1	20	
Văn phòng	phòng	1	44	
Kho lưu trữ	phòng	1	15	
Phòng bảo vệ	phòng	1	15	
Khu vệ sinh GV, CB, NV		1	20	
Khu để xe của GV, CB, NV		1	480	
2. Khối phòng học tập	phòng			
Phòng học	phòng	15	48-54	DT 1 phòng học
Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	48	
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	44	
Phòng học thư viện	phòng	1	48	
Phòng bộ môn Khoa học – Công nghệ	phòng	1	48	
Phòng học Nghệ thuật	phòng	1	54	
3. Khối phòng hỗ trợ học tập				
Thư viện		1	120	
+ Kho sách		1	40	Ghép với phòng GV
+ Phòng đọc HS		1	48	Ghép với phòng KH&CN
+ Phòng đọc giáo viên		1	30	Ghép với phòng họp
Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	20	

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ HSKT	phòng	1		Ghép với phòng Y tế
Phòng truyền thống	phòng	1	20	
Phòng Đội	phòng	1	20	Ghép với nhà đa năng
4. Khối phụ trợ				
Phòng họp	phòng	1	44	Ghép với VP
Phòng y tế	phòng	1	20	
Nhà kho	phòng	1	15	
Khu để xe học sinh	khu	1	500	
Khu để xe giáo viên	Khu	1	480	
Khu vệ sinh học sinh	khu	2	120	
Cổng, tường bao				
5. Khu sân chơi, TDTT				
Sân chơi	m ²	1	3730	
Bãi tập	m ²	1	5000	Chung với SVĐ
Sân tập có mái che	m ²	1	120	
Nhà đa năng	m ²	1	540	
6. Khối phục vụ sinh hoạt				
Nhà ăn	m ²	1	150	
Phòng ngủ bán trú	m ²	1	80	
7. Hạ tầng kỹ thuật				
Hệ thống cấp điện		2		
Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		5		
Hạ tầng công nghệ thông tin		3		
Khu thu gom rác thải		1		

Đồ dùng, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1	Bàn ghế HS	265 bộ	Đảm bảo tiêu chuẩn	
2	Bàn ghế GV	19	Đảm bảo tiêu chuẩn	
3	Bảng lớp	19	Đảm bảo tiêu chuẩn	
4	Tủ lớp	19	Đảm bảo tiêu chuẩn	
5	Ti vi thông minh	16	Sử dụng bình thường	

6	Máy chiếu	2	1 máy đã hỏng	
7	Máy vi tính	13	13 máy hoạt động	
8	Loa, Âm li	2 bộ	Sử dụng bình thường	
9	Đàn	1	Sử dụng bình thường	
10	Giá vẽ	35	Sử dụng bình thường	
11	Đồ dùng dạy học	3 bộ đồ dùng lớp 1 dành cho CTGDPT 2018		

Nhà trường có đầy đủ phòng học đảm bảo 01 phòng học/ lớp, có đầy đủ các phòng học bộ môn và các phòng chức năng, nhà đa năng phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục. Các phòng được trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị, 100% bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định, thư viện hoạt động có hiệu quả.

- Thiết bị dạy học đối với lớp 1 mỗi lớp học có 01 bộ đồ dùng dạy học dùng chung và mỗi học sinh lớp 1,2,3, 4, 5 có 01 bộ đồ dùng học sinh.

- Các phòng học bộ môn được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu dành cho môn học. Phòng Tin học có 13 máy tính kết nối Internet, phòng Tiếng Anh có tivi kết nối Internet,.

2.5. Về tài liệu dạy học

- Đối với lớp 1,2,3, 4, 5 nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa ổn định trong danh mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT, của UBND tỉnh Hải Dương.

TT	TÊN SÁCH	Bộ sách	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1,2,3,4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
2.	Toán 1,2,3,4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
3.	Đạo đức 1,2,3,4, 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
4.	TNXH 1,2,3	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
5.	Giáo dục thể chất 1,2,3,4,5	Cánh diều (Lớp 3,4)	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
6.	Âm nhạc 1,2,3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
7.	Mĩ thuật 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong Giáo dục	Nhà XBGD Việt Nam
		Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Nhà XBGD Việt Nam

	Mĩ thuật 2,3,4,5		
8.	Hoạt động trải nghiệm 1,2,3,4,5	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
9.	Tin học 3,4,5	Tin học 3, 4 (Tổng Chủ biên: Lê Khắc Thành)	Nhà xuất bản Đại học Vinh
10.	Công nghệ 3,4,5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
11.	Khoa học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
12.	LS&ĐL 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
13.	Khoa học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tổng chủ biên: Vũ Văn Hùng)	Nhà XBGD Việt Nam
14.	LS&ĐL 5	Kết nối tri thức với cuộc sống (Tổng chủ biên: Vũ Minh Giang và Đào Ngọc Hùng)	Nhà XBGD Việt Nam
15.	Tài liệu GD ĐP	Sở GD&ĐT Hải Dương biên tập	
16.	Tiếng Anh 5	Global Success	NXB Giáo dục VN
17.	Tiếng Anh 1, 2, 3, 4	Wonderful world	NXB Đại học Sư phạm

2.6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện chương trình

a) Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Phòng VH-XH xã Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
- Đảng, Chính quyền, các đoàn thể và cha mẹ học sinh thường xuyên chăm lo đến công tác giáo dục học sinh và xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.
- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua.

b, Khó khăn

- Tỷ lệ giáo viên độ tuổi 45-50 cao vì vậy việc sử dụng thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tư vấn của giáo viên có rất nhiều hạn chế. Trang thiết bị dạy học hiện đại được bổ sung thường xuyên song chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Một số học sinh chưa biết cách tự học, chưa thực sự chăm chỉ, tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện tại trường.

II . MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Đổi mới quản lý trường học, nâng cao năng lực cán bộ và giáo viên đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng cán bộ và giáo viên theo chuẩn.

Duy trì các tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

2. Chỉ tiêu cụ thể (*Chi tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học*)

2.1 Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Các môn học và hoạt động giáo dục:												
1. Tiếng Việt	95		86-1		92		86		98-2		457-3	
Hoàn thành tốt	65	68,4	54	62,8	58	63	55	64,0	57	59,4	289	63.66
Hoàn thành	28	29,5	32	37,2	34	37	31	36,0	39	40,6	163	35.9
Chưa HT	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
2. Toán												
Hoàn thành tốt	66	69,5	63	73,3	68	73,9	55	64,0	58	60,4	310	68.28
Hoàn thành	27	28,4	23	26,7	24	36,1	31	36,0	38	39,6	142	31.28
Chưa HT	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
3. Đạo đức												
Hoàn thành tốt	66	69,5	57	66,3	62	67,4	60	69,8	65	67,7	310	68.28
Hoàn thành	29	30,5	29	33,7	30	32,6	26	30,2	31	32,3	144	31.72
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
4. TN và XH												
Hoàn thành tốt	64	67,4	55	63,9	62	67,4					181	39.87
Hoàn thành	31	32,6	31	36,1	30	32,6					91	20.04

Chưa HT	0	0	0	0	0	0					0	0
5. Khoa học												
Hoàn thành tốt							60	69,8	73	76	133	29.3
Hoàn thành							26	30,2	23	24	49	10.79
Chưa HT							0	0.0	0	0.0	0	0
6. LS&DL												
Hoàn thành tốt							58	67,4	64	66,7	122	26.87
Hoàn thành							28	32,6	32	33,3	60	13.22
Chưa HT							0	0.0	0	0.0	0	0
7. GD thể chất												
Hoàn thành tốt	64	67,4	57	66,3	62	67,4	60	69,8	78	81,3	321	70.7
Hoàn thành	31	32,6	29	33,7	30	32,6	26	30,2	18	18,7	133	29.3
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
8. Âm nhạc												
Hoàn thành tốt	60	63,2	55	63,9	61	66,3	57	66,3	64	66,7	300	66.08
Hoàn thành	35	36,8	31	36,1	31	33,7	29	33,7	32	33,3	154	33.92
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
9. Mỹ thuật												
Hoàn thành tốt	59	62,1	55	63,9	61	66,3	54	62,8	56	58,3	289	63.66
Hoàn thành	36	37,9	31	36,1	31	33,7	32	37,2	40	41,7	165	36.34
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
10. Tiếng Anh												
Hoàn thành tốt	62	65,3	56	65,1	62	67,4	57	66,3	55	57,3	296	65.2
Hoàn thành	33	34,7	30	34,9	30	32,6	29	33,7	41	42,7	158	34.8
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
11. Tin học												
Hoàn thành tốt					62	67,4	58	67,4	59	61,5	179	39.43
Hoàn thành					30	32,6	28	32,6	37	38,5	95	20.93
Chưa HT					0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
12. Công nghệ												
Hoàn thành tốt					62	67,4	58	67,4	61	63,5	181	39.87
Hoàn thành					30	32,6	28	32,6	35	36,5	93	20.48
Chưa HT					0	0	0	0.0	0	0.0	0	0

13. HĐ TN													
Hoàn thành tốt		64	67,4	58	67,4	61	66,3	60	69,8	65	67,7	308	67.84
Hoàn thành		31	32,6	28	32,6	31	33,7	26	30,2	31	32,3	146	32.16
Chưa HT		0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
II. Phẩm chất chủ yếu													
		95		86-1		92		86		98-2			
Yêu nước	Tốt	85	89,5	72	83,7	75	81,5	70	81,4	84	87,5	386	85.02
	Đạt	10	10,5	14	16,3	17	18,5	16	18,6	12	12,5	68	14.98
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Nhân ái													
	Tốt	80	84,2	62	72,1	71	77,2	65	75,6	81	84,4	359	79.07
	Đạt	15	15,8	24	27,9	21	22,8	21	24,4	15	15,6	95	20.93
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Chăm chỉ													
	Tốt	65	68,4	66	76,7	71	77,2	64	74,4	69	71,9	335	73.79
	Đạt	28	29,5	20	23,3	21	22,8	22	25,6	27	28,1	117	25.77
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
Trung thực													
	Tốt	78	82,1	59	68,6	64	69,6	65	71,9	77	80,2	343	75.55
	Đạt	17	17,9	27	31,4	28	30,4	21	28,1	19	19,8	111	24.45
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Trách nhiệm													
	Tốt	77	81,1	60	69,8	65	70,7	65	75,6	77	80,2	344	75.77
	Đạt	16	16,8	26	30,2	27	29,3	21	24,4	19	19,8	108	23.79
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
III. Năng lực													
1. Năng lực chung													
Tự chủ và tự học		95		86-1		92		86		98-2			
	Tốt	65	68,4	55	63,9	61	66,4	68	79,1	60	62,5	309	68.06
	Đạt	28	29,5	31	36,1	31	33,6	18	20,9	36	37,5	143	31.5

	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
Giao tiếp và hợp tác													
	Tốt	65	68,4	58	67,4	63	68,5	65	75,6	60	62,5	311	68.5
	Đạt	28	29,5	28	32,6	29	31,5	21	24,4	36	37,5	141	31.06
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
Giải quyết vấn đề và sáng tạo													
	Tốt	66	69,5	57	66,3	62	67,4	59	68,6	57	59,4	301	66.3
	Đạt	27	28,4	29	33,7	30	32,6	27	31,4	39	40,6	151	33.26
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
2. Năng lực đặc thù													
Ngôn ngữ		95		86-1		92		86		98-2			
	Tốt	65	68,4	57	66,3	58	63	59	68,6	63	65,6	302	66.52
	Đạt	28	29,5	29	33,7	34	37	27	31,4	33	34,4	150	33.04
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
Tính toán						92							
	Tốt	66	69,5	61	70,9	68	73,9	59	68,6	63	65,6	317	69.82
	Đạt	27	28,4	25	29,1	24	26,1	27	31,4	33	34,4	135	29.74
	CCG	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44
Công nghệ						92		86		98-2			
	Tốt					62	67,4	58	67,4	66	68,8	186	40.97
	Đạt					30	32,6	28	32,6	30	31,2	88	19.38
	CCG					0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Khoa học		95		86		92		86		98-2			
	Tốt	64	67,4	55	63,9	62	67,4	60	69,8	65	67,7	306	53.96
	Đạt	31	32,6	31	36,1	30	32,6	26	30,2	31	32,3	149	25.33
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Thẩm mĩ						92		86		98-2			
	Tốt	63	66,3	59	68,6	61	66,3	58	67,4	66	68,8	307	67.62
	Đạt	32	33,7	27	31,4	31	33,7	28	32,6	30	31,2	147	32.38
	CCG	0	0	0	0	0		0	0.0	0	0.0	0	0
Tin học						92		86		98-2			
	Tốt					62	67,4	58	67,4	66	68,8	186	40.97
	Đạt					30	32,6	28	32,6	30	31,2	88	19.38

	CCG					0	0	0	0.0	0	0.0	0	0
Thể chất						92							
	Tốt	64	67,4	57	66,3	62	67,4	60	69,8	69	71,9	312	68.72
	Đạt	31	32,6	29	33,7	30	32,6	26	30,2	27	28,1	142	31.28
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
IV. Xếp loại GD													
Lớp 1,2,3,4, 5	95		86-1		92		86		98-2				
HT xuất sắc	48	50,5	41	47,7	44	47,8	40	46,5	39	40,6	212	46.7	
HT tốt	15	15,8	10	11,6	11	11,9	14	16,3	11	11,5	61	13.44	
Hoàn thành	30	31,6	35	40,7	37	40,6	32	37,2	46	47,9	179	39.43	
Chưa HT	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44	
V. Khen thưởng													
Lớp 1,2,3,4,5	95		86-1		92		86		98-2				
HS Xuất sắc	48	50,5	41	47,7	44	47,8	40	46,5	39	40,6	212	46.7	
HS Tiêu biểu	15	15,8	10	11,6	11	11,9	14	16,3	11	11,5	61	13.44	
VI. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCT tiểu học													
	95		86-1		92		86		98-2				
Hoàn thành	93	97,9	85	100	92	100	86	100.0	96	100.0	452	99.56	
Chưa HT	2	2,1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	2	0.44	

2.2 Các hoạt động giáo dục khác

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động: văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tập thể, ngoài giờ lên lớp, được chăm sóc sức khỏe ban đầu và được đánh giá xếp loại thể lực từ Đạt trở lên trong đó 90% học sinh xếp loại Khá và Tốt.

- 100% học sinh có thói quen đọc sách và được tư vấn tâm lý.
- Có học sinh tham gia cuộc thi, giao lưu trên mạng các cấp và đạt giải.
- Tham gia 100% các cuộc thi do các cấp phát động.
- 100% học sinh thực hiện đúng luật ATGT.
- 100% học sinh được giáo dục KNS.
- 100% học sinh được giáo dục công dân số.
- 100% học sinh được giáo dục STEM; STEAM.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
I. Môn học /hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	TV	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	T	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	ĐĐ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	KH										70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
7	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	ÂN	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	MT	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học&CN							70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	HĐTN(S H dưới cờ, SH lớp, chủ điểm)	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
II. Môn học tự chọn																
1	NN1(T.A)	70	36	34	70	36	34									
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	TV tăng	105	54	51	105	54	51	70	36	34	35	18	17	35	18	17
2	T tăng	35	18	17	35	18	17	70	36	34	35	18	17	35	18	17
3	Âm nhạc	35	18	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	GDKNS	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

5	GD STEM; STEAM	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
6	Mĩ thuật	0	0	0	35	18	17									
IV	HĐGD theo lớp	17	9	8	17	9	8	17	9	8	17	9	8	17	9	8
1. Hoạt động giáo dục tập thể tập trung toàn trường																
		18	8	10	18	8	10	18	8	10	18	8	10	18	8	10
Tổng		1225	634	591	1225	634	591	1225	634	591	1225	634	591	1225	634	591

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9&10/2025	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học mới	Tập trung	5/9/2025	Toàn trường	CMHS
		Vui Tết Trung thu	Tập trung	06/10/2025 (1 T)	GVCN, HS	CMHS
Tháng 11/2025	Yêu quý thầy cô giáo	Liên hoan văn nghệ	Tập trung	20/11/2025 (4T)	Toàn trường	CMHS
Tháng 12/2025	Uống nước nhớ nguồn	Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	22/12/2025 (3T)	Toàn trường	CMHS
Tháng 01/2026	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.	Trải nghiệm món ăn ngày Tết	Tập trung	9/02/2026 (3T)	GVCN, HS	CMHS
Tháng 3/2026	Thiếu nhi vui – khỏe	Tổ chức HĐTN: Nói lời yêu thương – diễn đàn trẻ em	Tập trung	2/3/2026 (1T)	Toàn trường	Công ty KNS
		Ngày hội TN vui khỏe	Tập trung	26/03/2026 (2T)	Toàn trường	CMHS, Đoàn TN xã
Tháng 4/2026	Ngày hội non sông	Thi tìm hiểu về Sách thiếu nhi	Tập trung	20/4/2026 (1T)	Toàn trường	Nhân viên TV
Tháng 5/2026	Bác Hồ kính yêu	Thi kể chuyện đạo đức Bác Hồ	Tập trung	21/5/2026 (3T)	Toàn trường	Nhân viên TV

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

ST T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	7h - 7 h15'	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
2	Hoạt động giữa buổi học	Tập thể dục, múa hát, nhảy dân vũ..	Toàn trường	Vào giờ ra chơi giữa buổi sáng	Tại sân trường	
3	Bán trú	Vệ sinh cá nhân	HS bán trú	10h15' - 10h45'	Khu vệ sinh	
		Ăn trưa	HS bán trú	10h45 – 11h30'	Nhà ăn	
		Nghỉ ngơi sau ăn	HS bán trú	11h30' – 12h	Phòng ngủ	
		Ngủ trưa	HS bán trú	12h – 13 h15'	Phòng ngủ	
		Vui chơi, đọc sách...	HS bán trú	13h15' - 13h45	Thư viện thân thiện	
4	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	13 h45' - 14h	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
5	Hoạt động giữa buổi học	Tập thể dục, múa hát, nhảy dân vũ..	Toàn trường	Vào giờ ra chơi giữa buổi chiều	Tại sân trường	

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

3.1 Kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026

Thực hiện theo Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026. Cụ thể đối với cấp tiểu học:

Ngày tựu trường: 25/8/2025 (đối với khối lớp 1); 29/8/2025 (lớp 2,3,4,5).

Ngày khai giảng: 5/9/2025

Học kỳ 1: Từ ngày 8/9/2025 đến ngày 09/01/2026.

Học kỳ 2: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 22/5/2026.

Ngày kết thúc năm học trước: 31/5/2026

Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2026

Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 năm học 2026-2027 trước ngày 31/7/2026.

Thời gian thực hiện chương trình cụ thể từng tuần như sau:

HK	Tháng	Tuần	Ngày trong tuần	Số buổi học
Học kỳ I	9 /2025	Đ	5/9	KG
		1	08/9 - 12/9/2025	10 buổi
		2	15/9 - 19/9	10 buổi
		3	22/9 - 26/9	10 buổi
	10 /2025	4	29/9 - 03/10	10 buổi
		5	06/10 - 10/10	10 buổi
		6	13/10 - 17/10	10 buổi
		7	20/10 - 24/10	10 buổi
		8	27/10-31/10	10 buổi
	11 /2025	9	03/11 - 07/11	10 buổi
		10	10/11 – 14/11	10 buổi
		11	17/11 - 21/11	8 buổi
		12	24/11 - 28/11	10 buổi
	12 /2024	13	01/12 - 05/12	10 buổi
		14	08/12 - 12/12	10 buổi
		15	15/12 - 19/12	10 buổi
		16	22/12 - 26/12	9 buổi
	1/2026	17	29/12- 02/01/2026	8 buổi
		18	05/1 - 09/1	10 buổi
Học kỳ II	1/2026	19	12/01 - 16/01	10 buổi
		20	19/01 - 23/01	10 buổi
		21	26/01 - 30/01	10 buổi
		22	02/02 - 06/02	10 buổi
	2/2026	23	09/02 - 13/02	10 buổi
		24	23/02-27/02	10 buổi

	3/2026	25	02/3 - 06/3	10 buổi
		26	09/3- 13/3	10 buổi
		27	16/3 - 20/3	10 buổi
		28	23/3 - 27/3	10 buổi
		29	30/3 - 03/4	10 buổi
	4/2026	30	06/4 - 10/4	10 buổi
		31	13/4 - 17/4	10 buổi
		32	20/4 - 24/4	10 buổi
		Đ1	27/4 - 1/5	4 buổi
	5/2026	33	04/5 - 08/5	10 buổi
		34	11/5 - 15/5	10 buổi
		35	18/5 - 22/5	10 buổi
		Đ2	26/5 – 27/5	4 buổi
			Trước 31/5	Kết thúc năm học

3.2 Số lượng tiết học và Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

3.2.1 Lớp 1:

a) Số lượng tiết học

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	245	
11	+ Tiếng Việt tăng	105	
12	+ Toán tăng	35	
13	+ GDKN sống	35	
14	+ GD STEM	35	
15	+ AN tăng	35	

16	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)
17	HĐGDTKL	17	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2026, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	634	
22	Tổng số tiết học kỳ II	591	
23	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo).

3.2.2 Lớp 2:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mỹ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	245	
11	+ Tiếng Việt tăng	105	
12	+ Toán tăng	35	
13	+ MT tăng	35	
14	+ GD STEM	35	
15	+ GDKN sống	35	
16	Hoạt động GDTT toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)

17	HĐGDTKL	17	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2026, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	634	
22	Tổng số tiết học kỳ II	591	
23	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

3.2.3 Lớp 3

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mỹ thuật	35	
8	Tin học	35	
9	Công nghệ	35	
10	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
11	Hoạt động trải nghiệm	105	
12	Hoạt động GD củng cố tăng cường:	210	
13	+ Tiếng Việt tăng	70	
14	+ Toán tăng	70	
15	+ GDKN sống	35	
16	+ GD STEM	35	

17	HĐGDTKL	17	
18	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)
19	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
20	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
21	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2026, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
22	Tổng số tiết học kỳ I	634	
23	Tổng số tiết học kỳ II	591	
24	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)*

3.2.4 Lớp 4

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mỹ thuật	35	
9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	140	
14	+ Tiếng Việt tăng	35	
15	+ Toán tăng	35	
16	+ GDKN sống	35	

17	+ GD STEM	35	
18	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	
19	HDGDTKL	17	
20	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
21	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
22	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2026, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
23	Tổng số tiết học kỳ I	634	
24	Tổng số tiết học kỳ II	591	
25	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HDGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động TN kèm theo).

3.2.5 Lớp 5:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mỹ thuật	35	
9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	140	
14	+ Tiếng Việt tăng	35	
15	+ Toán tăng	35	

16	+ GDKN sống	35	
17	+ GD STEM	35	
18	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	
19	HĐGDTKL	17	
20	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
21	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
22	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2026, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
23	Tổng số tiết học kỳ I	634	
24	Tổng số tiết học kỳ II	591	
25	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo)*.

IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã đầu tư, tu bổ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung trang thiết bị dạy học cho nhà trường đáp ứng cho việc dạy và học đạt hiệu quả hơn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ sử dụng thiết bị dạy học phù hợp và hiệu quả trong mỗi môn học đặc biệt là ứng dụng CNTT.

- Tăng cường công tác quản lý, đôn đốc, kiểm tra, nhắc nhở GV, NV, HS có trách nhiệm sử dụng và bảo quản trang thiết bị CSVC nhà trường.

2. Thực hiện công tác đội ngũ

- Phân công nhiệm vụ cho CBGV, NV theo đúng năng lực, sở trường.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng phù hợp, lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên dạy lớp 5 năm học 2025-2026 đảm bảo số lượng và chất lượng.

- Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, động viên giáo viên tự học, tự bồi dưỡng.

- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, nhân rộng các tiết dạy có chất lượng, lựa chọn các tiết dạy có chất lượng để giáo viên chia sẻ học tập, nâng cao chuyên môn.

- Động viên giáo viên viết sáng kiến, có sáng kiến phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, cấp thành phố.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/ lần;

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT. Tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện Chương trình, sách giáo khoa mới.

- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học, dạy học tích hợp, dạy học STEM, dạy học STEAM. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

4. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

4.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương, của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thời gian năm học. Tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn tự chọn đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sự phạm không gây áp lực đối với học sinh. Linh hoạt trong tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh. Tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được áp dụng vào thực tiễn.

+ Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, tích hợp, ..., xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình

- Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng

vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh.

4.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3, 4, 5

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 1,2,3, 4, 5 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, cụ thể:

+ Đảm bảo 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

+ Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của chương trình gồm Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, TNXH, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, HĐTN; môn tự chọn: Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh), tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương.

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

+ Tổ chức các hoạt động cho học sinh ở buổi 2 là hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hoá, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hoá đọc, văn hoá học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục ATGT; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, đáp ứng theo nhu cầu, sở thích của học sinh. Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, nhà trường tổ chức hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

4.4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp

- Chủ động thực hiện các giải pháp công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến đảm bảo các điều kiện theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, năng lực giáo viên, khả năng của học sinh, tuân thủ các quy định của các cấp.

- Triển khai nội dung giáo dục tích hợp linh hoạt theo các hình thức phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường và học sinh.

- Tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp với thực tế của địa phương.

4.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung tài liệu giáo dục địa phương

Thực hiện theo hướng dẫn số 4931/SGDĐT - GD TrH, ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Sở GDĐT Hải Phòng về việc tăng cường thực hiện chương trình, SGK giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026.

5. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

5.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo.

- Tăng cường tổ chức hội thảo, chuyên đề và chỉ đạo rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy ở tất cả mọi khối lớp. Đổi mới hình thức chuyên đề như: Xây dựng tiết dạy theo nhóm, xem băng hình, đi thăm quan học tập những giáo viên, lớp điển hình của trường mình hoặc trường bạn...; tổ chức có hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường theo hướng nghiên cứu bài học, khuyến khích giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến, “trường học kết nối”;

- Xây dựng kho học liệu bài giảng điện tử.

5.2. Tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 27/2020 ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

6. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, Tin học, giáo dục học sinh phát triển toàn diện.

6.1. Dạy học Tiếng Anh

- Đối với lớp 1 và lớp 2: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Khi triển khai dạy học tự chọn Ngoại ngữ 1 ở lớp 1, lớp 2 bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3; thời lượng dạy học phù hợp với hình thức học làm quen ban đầu, không gây quá tải cho học sinh; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp. Căn cứ vào điều kiện triển khai của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, nhà trường chủ động thực hiện dạy học tự chọn ở lớp 1 và lớp 2 và thực hiện lựa chọn tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT.

- *Đối với lớp 3,4 và lớp 5:* triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ; lựa chọn trong môn Ngoại ngữ đã có đủ điều kiện triển khai phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường, nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT

- Khai thác, sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có; tham mưu với các cấp bổ sung thiết bị cần thiết tối thiểu cho phòng tiếng Anh. Khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Xây dựng môi trường tiếng Anh: Tổ chức các hình thức dạy và học bao gồm cả trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng và thể hiện bằng tiếng Anh tối đa cho giáo viên, học sinh; xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các loại hình câu lạc bộ tiếng Anh; khuyến khích đọc sách, truyện tiếng Anh; tổ chức, khuyến khích học sinh tham gia cuộc thi, sân chơi có sử dụng tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên tham gia cùng học tiếng Anh với học sinh...

- Quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ để học sinh tham gia thi IOE các cấp.

6.2. Dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục Tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số góp phần phát triển năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho học sinh tiểu học

- Tham mưu tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

6.3. Tăng cường các hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện cho học sinh.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục Kỹ năng sống, giáo dục STEM, STEAM góp phần phát triển toàn diện cho học sinh tiểu học như: liên kết với Công ty Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực quốc tế Apollo.Edu dạy Kỹ năng sống và dạy STEM cho học sinh.

7. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm

7.1. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

- Tổ chức rà soát, kiểm tra phân loại các đối tượng học sinh, thành lập các câu lạc bộ theo môn học, theo sở thích, năng khiếu của từng học sinh.

- Lựa chọn giáo viên có năng lực phù hợp với các môn học, hoạt động giáo dục để hướng dẫn học sinh phát triển năng khiếu.

- Đưa hình thức học bồi dưỡng phù hợp với tâm lý học sinh như: Học trên lớp, tự làm bài tập trong tạp chí Toán tuổi thơ, văn tuổi thơ, giao lưu, chia sẻ với bạn trong câu lạc bộ..., giúp các em học một cách thoải mái.

- Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi: giải toán, Tiếng Anh qua mạng; Violympic Toán, Trạng nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn tài...

7.2. Phụ đạo học sinh nhận thức chậm

- Các giáo viên chủ nhiệm lập danh sách học sinh chưa đạt yêu cầu do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập ngay trong các giờ học.

- Theo dõi sát sao, hướng dẫn phương pháp học tập, phối hợp với gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Thời gian thực hiện: Trong các tiết học, các giờ tự học, các tiết học tăng cường, các giờ truy bài.

8. Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật

- *Đối với trẻ khuyết tật*

- + Thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- + Thường xuyên cập nhật, huy động và duy trì tối đa số trẻ khuyết tật có khả năng học tập đến trường (hiện tại có 3 em thiếu năng trí tuệ đang học hoà nhập).

- + Tổ chức hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật đúng hướng dẫn, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật.

- + Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

- + Thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013.

- *Đối với trẻ lang thang cơ nhỡ:* Thực hiện đúng theo TT số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 19/12/2009 của Bộ GDĐT quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó Hiệu trưởng

- Giúp Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với tất cả các khối lớp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn; công tác phổ cập.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD của tổ/khối chuyên môn, triển khai nghiên cứu góp ý xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tổ chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ. Xây dựng chương trình công tác hàng tuần, hàng tháng để triển khai thực hiện và có trách nhiệm đôn đốc tổ viên thực hiện.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

4. Giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm và giảng dạy theo bộ môn phụ trách
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại, ghi học bạ. Báo cáo các mặt theo yêu cầu của Ban Giám hiệu và các tổ chức có liên quan trung thực, chính xác.
- Giữ mối liên hệ chặt chẽ với CMHS.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

5. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy theo bộ môn phụ trách.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của môn giảng dạy.
- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

6. Tổng phụ trách Đội

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

6. Nhân viên thư viện, thiết bị

Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của Trường Tiểu học Gia Lương. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./.

Nơi nhận

- Phòng VH-XH (để b/c);
- CB, GV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Lý